

Số: 3114 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 25 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục thành phần hồ sơ,
kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải số hóa đối với
thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực
hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về
thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi
hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ
tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4565/TTr-STC,
ngày 08/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ,
kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải số hóa đối với thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính (Chi tiết, có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải
quyết đối với thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo đầy đủ,
chính xác, đúng quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo các giải pháp kỹ thuật để Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được vận hành thông suốt, cấp mã kết quả số hóa theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Hùng

Phục lục

DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỔ HÓA CỦA SỞ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số: 3114 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải sổ hóa	Giấy tờ phải sổ hóa của cơ quan nhà nước	Kết quả giải quyết phải sổ hóa
I	LĨNH VỰC TIN HỌC THÔNG KÊ				
1.	2.002206.000.00.00.H23	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	<p>- Trường hợp 1: Hồ sơ đăng ký mã số ĐVQHNS cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, gồm:</p> <p>+ Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách theo mẫu số 01-MSNS-BTC;</p> <p>+ Bảng thống kê đơn vị đề nghị cấp mã số ĐVQHNS (dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán) theo mẫu số 07-MSNS-BTC được xác nhận thông tin bởi cơ quan chủ quản.</p> <p>Trường hợp 2: Hồ sơ đăng ký mã số ĐVQHNS cho các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách, gồm:</p> <p>+ Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS</p>		Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách

dùng cho đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách theo mẫu số 01-MSNS-BTC.

- Trường hợp 3: Hồ sơ đăng ký mã số ĐVQHNS cho các dự án đầu tư tại giai đoạn chuẩn bị đầu tư, gồm:
+ Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư theo mẫu số 02-MSNS-BTC.

Trường hợp 4: Hồ sơ đăng ký mã số ĐVQHNS cho các dự án đầu tư tại giai đoạn thực hiện dự án, gồm:
+ Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn thực hiện dự án theo mẫu số 03-MSNS-BTC.

- Trường hợp 5: Đăng ký bổ sung thông tin chuyển giai đoạn dự án đầu tư, gồm:
+ Thông báo chuyển giai đoạn dự án đầu tư theo mẫu số 04-MSNS-BTC.

- Trường hợp 6: Đăng ký thay đổi thông tin về mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách

			<p>- Trường hợp đơn vị có quan hệ với ngân sách nếu có thay đổi các chỉ tiêu đăng ký mã số ĐVQHNS như tên đơn vị, tên dự án, tên chủ đầu tư, địa chỉ đơn vị, địa chỉ chủ đầu tư, tên cơ quan chủ quản cấp trên thì đơn vị gửi Thông báo đến Cơ quan tài chính nơi đã cấp mã số ĐVQHNS.</p> <p>Nội dung Thông báo thực hiện theo Mẫu số 06-MSNS-BTC</p>		
II LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ					
1.	1.012735.H23	Hiệp thương giá	Văn bản đề nghị hiệp thương giá		<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản hội nghị thương giá theo Mẫu 02 phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024. - Văn bản xác định mức giá.
2.	1.012744.H23	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành 		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ;

		định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ. - Phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ		- Văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền định giá về việc không điều chỉnh giá cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giá (trường hợp kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý).
3.	1.006218.000.00.00.H23	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện giao quyền sở hữu cho Nhà nước	- Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; - Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản.		Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước của Chủ tịch UBND dân tỉnh
4.	1.006219.000.00.00.H23	Chi thường đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị	Văn bản đề nghị chi thường		Văn bản quyết định mức thưởng của cơ quan, người có

		vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên			thẩm quyền.
5.	1.006220.000.00.00.H23	Thanh toán phân giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	Văn bản đề nghị thanh toán phân giá trị tài sản được hưởng		Văn bản quyết định mức được hưởng của tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền
6.	3.000291.H23	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Văn bản của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà địa phương kèm Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Văn bản thẩm định của Sở Tài chính và các cơ quan liên quan	Quyết định phê duyệt Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất của UBND tỉnh.
7.	2.002173.000.00.00.H23	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận	a) Đối với dự án nhà ở xã hội đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Nhà ở năm 2014 - Văn bản đề nghị hoàn trả hoặc khấu trừ: 01 bản chính		Văn bản chấp thuận việc hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng

8.	3.000257.H23	<p>chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội</p>	<p>b) Đối với dự án nhà ở xã hội đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Nhà ở năm 2014</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hoàn trả hoặc khấu trừ: 01 bản chính 		<p>đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội.</p>
		<p>Xác lập quyền sử hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Hồ sơ đề nghị chuyển giao (do tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình điện lập), gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình điện đề nghị chuyển giao quyền sử hữu công trình điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Mẫu số 01 Phụ lục đính kèm Nghị định số 02/2024/NĐ-CP; * Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sử hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam (<i>do đơn vị điện lực lập</i>), gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản của Bên nhận đề nghị xác lập quyền sử hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam; 		<p>Quyết định xác lập quyền sử hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam</p>

			<ul style="list-style-type: none"> + Danh mục công trình điện do Bản nhận lập (thông số kỹ thuật, tình trạng công trình điện, năm đưa vào sử dụng, giá trị công trình điện); + Biên bản kiểm kê, xác định giá trị công trình điện theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; + Văn bản của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình điện đề nghị chuyển giao quyền sở hữu công trình điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam. 		
III	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP				
1.	3.000214.000.00.00.H23	Xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp về việc xem xét, miễn lãi chậm nộp (bản chính) theo Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ;		Quyết định miễn lãi chậm nộp cho doanh nghiệp của UBND tỉnh